

Số: /BC-CTK

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng 7 năm 2023

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI
Tháng 7 và 7 tháng năm 2023

Kinh tế thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó đoán định. Khủng hoảng Nga - Ukraine leo thang sang giai đoạn mới, không có dấu hiệu dừng lại, đe dọa an ninh lương thực. Để giải quyết các khó khăn của nền kinh tế, Thành uỷ, Ủy ban nhân dân Thành phố tập trung tháo gỡ khó khăn của doanh nghiệp, tăng cường giải ngân vốn đầu tư công và kích cầu tiêu dùng nội địa đồng thời triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách được quy định tại Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh.

Tình hình kinh tế - xã hội trên địa bàn Thành phố tháng 7 và 7 tháng năm 2023 như sau:

1. SẢN XUẤT NÔNG, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN

1.1. Nông nghiệp

1.1.1. Trồng trọt

Tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm đến ngày 15/7/2023 đạt 26.714,7 ha, giảm 1,1% so với cùng kỳ.

Vụ lúa Đông Xuân: Diện tích lúa gieo cấy đạt 4.798,5 ha, tăng 4,4% so với cùng kỳ. Tình hình thời tiết thuận lợi nên năng suất lúa ước tính đạt 55,6 tạ/ha, sản lượng đạt 26.672,3 tấn, tăng 6,9% so với cùng kỳ.

Vụ lúa Hè Thu: Diện tích lúa đã gieo cấy 5.531,2 ha, giảm 2,1% so với cùng kỳ.

Cây hàng năm:

Diện tích trồng ngô đạt 330,6 ha, tăng 29,4% so với cùng kỳ.

Diện tích trồng sắn đạt 181,1 ha, tăng 3,1% so với cùng kỳ.

Diện tích gieo trồng rau các loại đạt 4.931,7 ha, giảm 0,6%; sản lượng đạt 178.565,1 tấn, tăng 3,4% so với cùng kỳ.

Tình hình sinh vật gây hại:

Trong tháng, diện tích nhiễm sinh vật hại trên lúa là 1.715,6 ha, giảm 13% so với cùng kỳ; diện tích nhiễm sinh vật hại trên rau là 671,5 ha, tăng 3,0%. Các sinh vật gây hại chủ yếu là sâu cuốn lá nhỏ, chuột và ốc brou vàng.

1.1.2. Chăn nuôi

Thành phố tiếp tục duy trì ổn định hoạt động chăn nuôi trên địa bàn do tình hình kiểm soát dịch bệnh tốt và đảm bảo sản lượng thịt, trứng cung cấp cho thị trường. Tổng đàn chăn nuôi tháng 7 ước tính cụ thể như sau:

- Đàn trâu có 3.014 con, giảm 2,9% so với cùng kỳ.
- Đàn bò có 102.335 con, giảm 2,3%, trong đó đàn bò sữa có 70.326 con, giảm 1,1%.
- Đàn lợn thịt có 138.106 con, tăng 0,1%.
- Đàn gia cầm của Thành phố có 365,0 nghìn con, giảm 0,3%, trong đó đàn gà có 348,5 nghìn con, giảm 0,4%.

Tính đến nay, Thành phố không phát hiện bệnh Cúm gia cầm, Lở mồm long móng, Dịch tả lợn Châu Phi tại các hộ chăn nuôi.

1.2. Lâm nghiệp

Tổng diện tích đất có rừng và cây lâm nghiệp trồng phân tán hiện có khoảng 36.822 ha; tỷ lệ che phủ rừng và cây lâm nghiệp phân tán đạt 17,6%, tương đương so với cùng kỳ.

Sản lượng lâm sản khai thác tính đến nay khoảng 1.845 m³ gỗ ở Công ty cây trồng Thành phố và 1.740 ster củi tận thu từ rừng phòng hộ của các hộ dân huyện Cần Giờ.

Trong tháng, không xảy ra vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp.

1.3. Thủy sản

Tổng sản lượng thủy sản tháng 7 năm 2023 ước đạt 4.443,9 tấn, tăng 0,5% so với cùng kỳ. Chia ra: Sản lượng cá ước đạt 1.074,0 tấn, giảm 9,1%; sản lượng tôm ước đạt 1.039,0 tấn, tăng 0,2%; sản lượng thủy sản khác ước đạt 2.330,9 tấn, tăng 5,7%.

Phân theo hình thức khai thác, nuôi trồng thủy sản:

– Sản lượng thủy sản khai thác tháng 7 năm 2023 ước thực hiện 1.076,9 tấn, giảm 15,2% so với cùng kỳ. Chia ra: Sản lượng cá ước đạt 612,0 tấn, giảm 16,4%; sản lượng tôm ước đạt 134,0 tấn, giảm 26,4%; sản lượng thủy sản khác ước đạt 330,9 tấn, giảm 7%.

– Sản lượng thủy sản nuôi trồng tháng 7 năm 2023 ước đạt 3.367,0 tấn, tăng 6,8% so với cùng kỳ. Chia ra, sản lượng cá ước đạt 462,0 tấn, tăng 3,0%;

sản lượng tôm ước đạt 905,0 tấn, tăng 6,4%; sản lượng thủy sản khác ước đạt 2.000,0 tấn, tăng 8,1%.

Tình hình thả nuôi tôm (tính đến ngày 10/7/2023)

Tôm sú: Có tổng số 271 lượt hộ thả nuôi với 102,1 triệu con giống trên diện tích 3.269,8 ha. Diện tích thả nuôi tăng 16,8% so với cùng kỳ, số lượng con giống tăng 23,0%.

Tôm thẻ chân trắng: Có tổng số 1.215 lượt hộ thả nuôi với 418,2 triệu con giống trên diện tích 976,2 ha. Diện tích thả nuôi giảm 7,7% so với cùng kỳ, số lượng con giống giảm 12,7%.

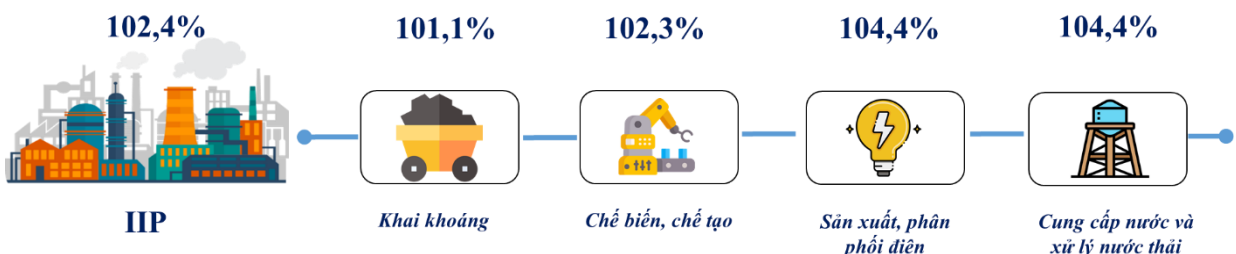
Trong tháng, có 01 hộ nuôi có tôm bệnh trên diện tích 0,4 ha, làm thiệt hại 0,2 triệu con giống. Tính từ đầu năm đến nay, có 19 hộ nuôi có tôm bệnh trên diện tích 9,2 ha, số lượng con giống thiệt hại là 3,8 triệu con. Toàn bộ diện tích bị thiệt hại được xử lý dập bệnh bằng 2.746 kg thuốc TTCA của quỹ phòng ngừa dịch bệnh.

2. SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tháng 7 năm 2023 ước tính tăng 1,9% so với tháng trước và tăng 6,5% so với cùng kỳ. Chia ra, công nghiệp khai khoáng tăng 0,9% so với tháng trước và tăng 17,7% so với cùng kỳ; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 2,0% so với tháng trước và tăng 6,5% so với cùng kỳ; sản xuất và phân phối điện giảm 0,4% so với tháng trước nhưng tăng 7,9% so với cùng kỳ; cung cấp nước và xử lý rác thải giảm 0,6% so với tháng trước nhưng tăng 1,5% so với cùng kỳ.

Tính chung 7 tháng năm 2023, chỉ số IIP trên địa bàn Thành phố tăng 2,4% so với cùng kỳ. Chia ra, ngành khai khoáng tăng 1,1%; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 2,3%; sản xuất và phân phối điện tăng 4,4%; cung cấp nước và xử lý rác thải tăng 4,4%.

Chỉ số sản xuất công nghiệp 7 tháng năm 2023 so với cùng kỳ (%)



Đối với ngành công nghiệp cấp II, có 19/30 ngành có chỉ số sản xuất công nghiệp 7 tháng tăng so với cùng kỳ. Trong đó, một số ngành có mức tăng cao như: Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 25,4%; sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế tăng 23,4%; sản xuất xe có động cơ tăng 22,7%; sản xuất

phương tiện vận tải khác tăng 21,2%. Một số ngành có chỉ số IIP giảm mạnh so với cùng kỳ như: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế giảm 21,7%; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác giảm 16,9%; sản xuất trang phục giảm 13,4%; sản xuất đồ uống giảm 12,7%.

**Chỉ số sản xuất công nghiệp một số ngành chủ yếu 7 tháng năm 2023
so với cùng kỳ**

	Đơn vị tính: %			
	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Tổng số	94,5	99,7	106,8	102,4
<i>Chia theo ngành cấp 1</i>				
1. Công nghiệp khai khoáng	314,4	53,0	207,3	101,1
2. Công nghiệp chế biến chế tạo	93,5	100,2	106,1	102,3
3. SX và phân phối điện	98,5	101,1	107,3	104,4
4. SX và phân phối nước, xử lý chất thải	102,5	97,6	106,6	104,4
<i>Một số ngành chủ yếu</i>				
1. Sản xuất chế biến thực phẩm	101,7	99,2	107,9	98,1
2. Sản xuất đồ uống	86,5	89,9	120,1	87,3
3. Sản xuất trang phục	79,6	87,1	115,9	86,6
4. Sản xuất da và SP liên quan	81,3	102,4	94,5	90,7
5. SX hóa chất và SP hóa chất	121,5	99,8	104,7	110,8
6. Sản phẩm từ cao su và plastic	91,7	101,3	140,9	125,4
7. SP từ khoáng phi kim loại khác	96,8	103,0	104,0	83,1
8. Sản xuất SP điện tử	118,8	102,3	95,4	104,2
9. Sản xuất thiết bị điện	95,4	117,7	98,4	108,8
10. Sản xuất xe có động cơ	86,7	101,6	116,2	122,7

Đối với 4 ngành công nghiệp trọng điểm, chỉ số sản xuất công nghiệp trong 7 tháng tăng 5,4% so với cùng kỳ. Trong đó, ngành hóa dược tăng 17,3%; ngành cơ khí tăng 6,5%; ngành sản xuất hàng điện tử tăng 4,2%; ngành lương thực thực phẩm và đồ uống giảm 5,8%.

Đối với ngành công nghiệp truyền thống, chỉ số sản xuất công nghiệp trong 7 tháng giảm 9,8% so với cùng kỳ, trong đó ngành dệt tăng 0,2%; sản xuất trang phục giảm 13,5%; ngành sản xuất da và các sản phẩm có liên quan giảm 9,3%.

Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu 7 tháng năm 2023 tăng cao so với cùng kỳ như: Sữa hoặc kem đặc có hoặc không có đường tăng 22,2%; phân khoáng hoặc phân hóa học tăng 20,8%; tivi tăng 11,7%. Một số sản phẩm công nghiệp giảm mạnh so với cùng kỳ như: Xi măng giảm 21,7%; bia chai, lon giảm 21,5%; sắt thép các loại giảm 12,7%; giày dép thể thao giảm 10,0%.

Chỉ số tiêu thụ ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng 7 năm 2023 ước tính tăng 2,7% so với tháng trước và tăng 1,1% so với cùng kỳ cho thấy tín hiệu tích cực về sự phục hồi của ngành công nghiệp Thành phố. Tính chung 7 tháng, chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp giảm 1,9% so với cùng kỳ. Trong đó, có 10/23 ngành công nghiệp cấp II có chỉ số tiêu thụ tăng; một số ngành tăng cao như: Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 70,1%; chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa tăng 56,5%; sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy tăng 28,3%; sản xuất thiết bị điện tăng 19,2%; sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất tăng 17,4%; in, sao chép bản ghi các loại tăng 16,7%; 13 ngành còn lại có chỉ số tiêu thụ giảm và giảm mạnh nhất là ngành sản xuất kim loại với tỷ lệ là 40,9%.

Chỉ số tồn kho ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong tháng 7 năm 2023 ước tính tăng 5,5% so với tháng trước và tăng 10,3% so với cùng kỳ. So với cùng kỳ, xét theo ngành công nghiệp cấp II thì 15 ngành có chỉ số tồn kho tăng, 8 ngành có chỉ số tồn kho giảm. Trong đó, một số ngành có chỉ số tồn kho tăng cao như: Sản xuất sản phẩm thuốc lá tăng 47,5%; sản xuất kim loại tăng 28,3%; sản xuất trang phục tăng 28,1%. Một số ngành có mức tồn kho giảm mạnh như: Sản xuất đồ uống giảm 43,4%; sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế giảm 34,1%; sản xuất da và các sản phẩm có liên quan giảm 26,6%; sản xuất thiết bị điện giảm 25,2%.

Chỉ số lao động làm việc tại các doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong tháng 7 năm 2023 giảm 0,4% so với tháng trước và giảm 4,4% so với cùng kỳ. Tính chung 7 tháng năm 2023, chỉ số lao động giảm 1,9% so với cùng kỳ. Trong đó, một số ngành có chỉ số lao động tăng như: Sản xuất xe có động cơ tăng 34,7%; sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy tăng 31,0%; công nghiệp chế biến, chế tạo khác tăng 27,2%. Một số ngành có chỉ số lao động giảm như: Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan giảm 14,3%; thoát nước và xử lý nước thải giảm 13,3%; sản xuất sản phẩm từ khoáng kim loại giảm 10,9%.

3. HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 20/7/2023, Thành phố đã cấp phép 27.664 doanh nghiệp với vốn đăng ký đạt 261.167,1 tỷ đồng, tăng 9,3% về giấy phép và giảm 14,1% về vốn so với cùng kỳ. Trong đó, 09 ngành dịch vụ chủ yếu có 20.509 doanh nghiệp thành lập, tăng 10,8% so với cùng kỳ; vốn đăng ký đạt 176.424,6 tỷ đồng, giảm 23,8%.

Phân theo loại hình doanh nghiệp: Công ty TNHH có 24.802 đơn vị, tăng 12,2% so với cùng kỳ; tổng vốn đăng ký đạt 196.432,1 tỷ đồng, tăng 21,9% so với cùng kỳ. Công ty cổ phần có 2.456 đơn vị, giảm 17,5%; vốn đăng ký

64.476,9 tỷ đồng, giảm 54,9%. Doanh nghiệp tư nhân 401 đơn vị, tăng 74,3%; vốn đăng ký 201,7 tỷ đồng, tăng 74,5%.

Phân theo loại hình kinh tế:

Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản: Số lượng doanh nghiệp cấp phép là 82 đơn vị với vốn đăng ký đạt 1.079,1 tỷ đồng, giảm 16,3% về cấp phép và giảm 19,3% về vốn so với cùng kỳ.

Khu vực công nghiệp, xây dựng: Cấp phép 5.115 doanh nghiệp, tăng 2,6% so với cùng kỳ; vốn đăng ký đạt 75.219,2 tỷ đồng, tăng 17,7%. Trong đó, ngành xây dựng có 2.278 doanh nghiệp, tăng 4,5%, vốn đạt 56.626,5 tỷ đồng, tăng 163,7%; nhóm ngành công nghiệp có 2.837 đơn vị, tăng 1,1% với số vốn đăng ký đạt 18.592,7 tỷ đồng, giảm 56,2% về vốn.

Khu vực thương mại, dịch vụ: Cấp phép 22.467 doanh nghiệp, tăng 11,0% so với cùng kỳ; vốn đăng ký đạt 184.868,8 tỷ đồng, giảm 22,6%. Trong đó, thương nghiệp có 11.525 đơn vị với vốn đăng ký đạt 87.341,6 tỷ đồng, tăng 19,6% về số cấp phép và giảm 6,1% về vốn; vận tải kho bãi có 1.331 đơn vị, tăng 7,3% với vốn đăng ký đạt 10.714,7 tỷ đồng, tăng 25,4%; dịch vụ lưu trú ăn uống có 1.336 đơn vị, tăng 14,5% với vốn đăng ký đạt 5.528,5 tỷ đồng, giảm 20,1%; kinh doanh bất động sản có 836 đơn vị với vốn đăng ký đạt 34.523,8 tỷ đồng, giảm 60,2%; hoạt động chuyên môn, khoa học công nghệ có 2.891 doanh nghiệp với vốn đăng ký 21.261,4 tỷ đồng, tăng 54,9%.

4. ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG

4.1. Tình hình thực hiện vốn đầu tư

Vốn đầu tư thực hiện xây dựng cơ bản và sửa chữa lớn từ nguồn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý ước thực hiện tháng 7 năm 2023 đạt 4.842,5 tỷ đồng, tăng 3,2% so với tháng trước và tăng 57,6% so với cùng kỳ. Cộng dồn 7 tháng năm 2023 ước thực hiện 20.295,5 tỷ đồng, tăng 45,3% so với cùng kỳ. Trong đó, vốn ngân sách cấp Thành phố đạt 20.052,1 tỷ đồng, tăng 43,1%, vốn ngân sách cấp huyện đạt 241,4 tỷ đồng, tăng 55,8%.

Tính đến hết 6 tháng đầu năm 2023, tổng số vốn đầu tư đã được giải ngân là 15.431,2 tỷ đồng, đạt 22,5% so với Kế hoạch vốn năm 2023 được UBND Thành phố giao, đạt 21,9% so với Kế hoạch vốn Thủ Tướng Chính phủ giao. Ước đến hết 7 tháng năm 2023, giải ngân được 19.153,2 tỷ đồng, đạt 28% so với Kế hoạch vốn Thành phố thực hiện.

**Vốn đầu tư thực hiện xây dựng cơ bản
và sửa chữa lớn từ nguồn ngân sách nhà nước
7 tháng đầu năm 2023**



Tình hình thực hiện một số công trình trọng điểm

- *Dự án tuyến đường sắt Metro số 1 (Bến Thành – Suối Tiên)*: Dự kiến trong quý 3 năm nay, dự án sẽ được cấp 268 tỷ đồng vốn điều lệ để chuẩn bị nhân sự khai thác tuyến tàu điện đầu tiên..

- *Dự án Thành phần số 1 đường Vành đai 3*: Hồ sơ thiết kế kỹ thuật của 4 gói thầu xây lắp đã được Sở Giao thông vận tải thẩm định và Ban Quản lý Dự án công trình Giao thông phê duyệt. Đến thời điểm hiện nay, nguồn vật liệu cung cấp cho Dự án đường vành đai 3 đã sẵn sàng, bảo đảm phục vụ công tác thi công liên tục đến khi hoàn thành.

- *Dự án Thành phần số 2 đường Vành đai 3*: Tính đến ngày 14/7/2023, tỷ lệ bàn giao mặt bằng cho tuyến Vành đai 3 trên địa bàn TP. HCM đạt khoảng 91,7% (374 ha/410 ha). Trong đó, huyện Hóc Môn bàn giao 100% mặt bằng, huyện Củ Chi bàn giao 97% mặt bằng (đạt 63/65 ha), huyện Bình Chánh bàn giao hơn 94% mặt bằng (137/145 ha) và thành phố Thủ Đức bàn giao gần 75% mặt bằng (74/99 ha). Tính đến hết tháng 6/2023, đã thực hiện chi trả, bồi thường giải phóng mặt bằng 9.401 tỷ đồng, đạt tỷ lệ giải ngân 52% (so với Kế hoạch vốn được giao là 18.000 tỷ đồng). Dự kiến công tác bồi thường giải phóng mặt bằng của dự án đường Vành đai 3 sẽ hoàn thành trước ngày 31/12/2023.

4.2. Cấp giấy phép xây dựng và sửa chữa lớn nhà ở hộ dân

Tính đến cuối tháng 6 năm 2023, toàn Thành phố đã cấp 12.089 giấy phép xây dựng và sửa chữa lớn với diện tích sàn 2.163,2 nghìn m². So với cùng kỳ giảm 24,7% về giấy phép (-3.969 giấy phép) và giảm 28,8% về diện tích (-875,0 nghìn m²). Trong đó, cấp xây dựng mới 10.912 giấy phép với diện tích 2.006,2 nghìn m² và 1.177 giấy phép sửa chữa lớn với diện tích 157,5 nghìn m².

5. TÀI CHÍNH, NGÂN HÀNG VÀ CHỨNG KHOÁN

5.1. Thu, chi ngân sách

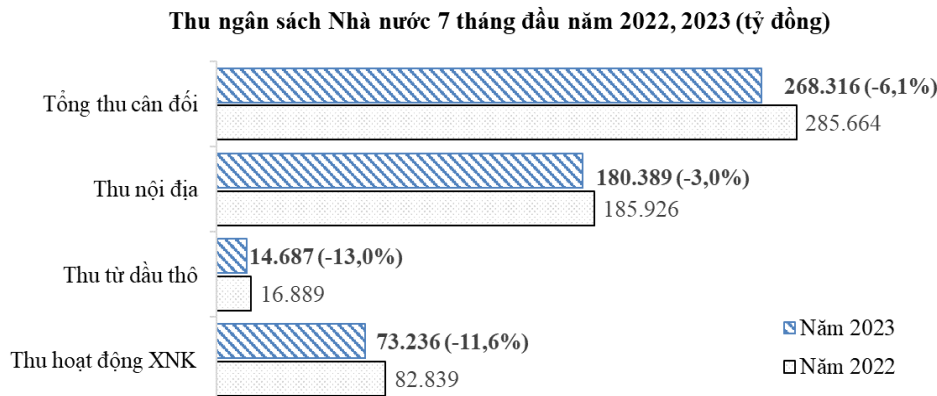
Ước tính tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn Thành phố 7 tháng đầu năm 2023 giảm 6,1% so với cùng kỳ, trong đó thu nội địa giảm 3,0%, thu từ dầu thô giảm 13,0%, thu từ xuất nhập khẩu giảm 11,6%. Tổng chi ngân sách địa phương ước tăng 190,2% so với cùng kỳ, trong đó chi thường xuyên tăng 139,2%.

Tổng thu cân đối ngân sách Nhà nước 7 tháng đầu năm 2023 ước thực hiện 268.316 tỷ đồng, đạt 57,1% dự toán và giảm 6,1% so với cùng kỳ. Cụ thể:

- Thu nội địa ước thực hiện 180.389 tỷ đồng, đạt 58,6% dự toán, chiếm 67,2% tổng thu cân đối và giảm 3,0% so với cùng kỳ. Trong đó: Thu từ doanh nghiệp nhà nước ước thực hiện 17.121 tỷ đồng, đạt 55,0% dự toán, chiếm 6,4% tổng thu và giảm 8,6%; thu từ khu vực ngoài nhà nước ước thực hiện 56.896 tỷ đồng, đạt 65,3% dự toán, chiếm 21,2% tổng thu và tăng 11,2%; thu từ khu vực có vốn đầu tư nước ngoài ước thực hiện 44.404 tỷ đồng, đạt 65,3% dự toán, chiếm 16,6% tổng thu và tăng 1,6%.

- Thu dầu thô ước thực hiện 14.687 tỷ đồng, đạt 91,8% dự toán, chiếm 5,5% tổng thu cân đối và giảm 13,0%.

- Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu ước thực hiện 73.236 tỷ đồng, đạt 50,2% dự toán, chiếm 27,3% tổng thu cân đối và giảm 11,6%.

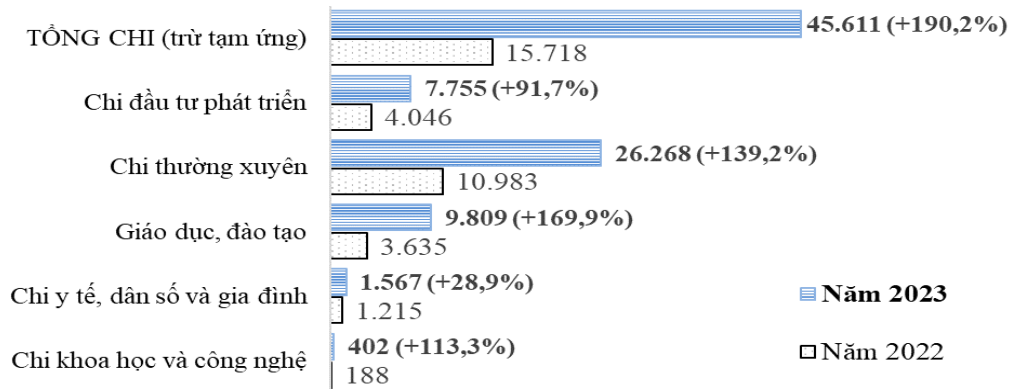


Tổng chi ngân sách địa phương (trừ tạm ứng) 7 tháng năm 2023 ước thực hiện 45.611 tỷ đồng, đạt 36,1% dự toán và tăng 190,2% so với cùng kỳ. Tổng chi cân đối ngân sách địa phương (trừ tạm ứng) ước thực hiện 34.213 tỷ đồng, đạt 30,9% dự toán và tăng 126,7% so với cùng kỳ. Cụ thể:

- Chi đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách địa phương ước thực hiện 7.755 tỷ đồng, đạt 16,8% dự toán và tăng 91,7% so với cùng kỳ.

- Chi thường xuyên ước thực hiện 26.268 tỷ đồng, đạt 43,7% dự toán và tăng 139,2%. Trong đó, chi cho sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề ước thực hiện 9.809 tỷ đồng, đạt 46,7% dự toán và tăng 169,9%; chi cho sự nghiệp y tế ước thực hiện 1.567 tỷ đồng, đạt 24,9% dự toán và tăng 28,9%; chi khoa học và công nghệ ước thực hiện 402 tỷ đồng, đạt 41,8% dự toán và tăng 113,3%.

Chi ngân sách địa phương 7 tháng đầu năm 2022, 2023 (tỷ đồng)



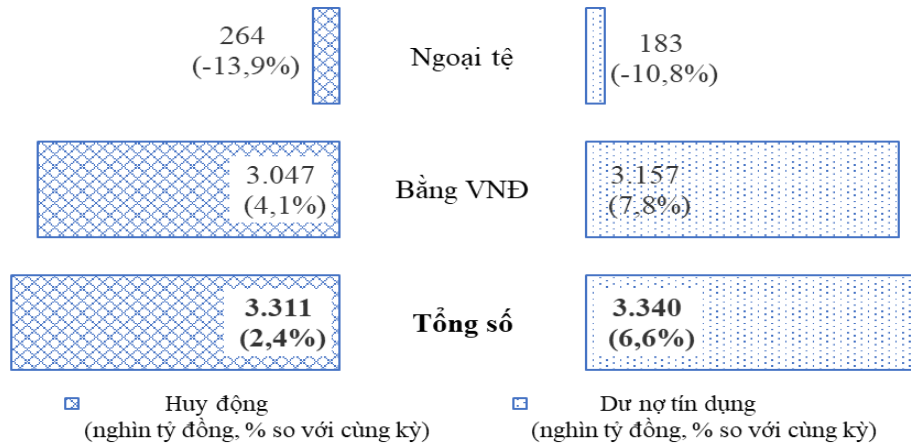
5.2. Hoạt động huy động vốn và tín dụng

Thị trường tiền tệ trên địa bàn Thành phố tiếp tục được điều hành linh hoạt theo định hướng của Ngân hàng Nhà nước, trong đó lãi suất tiếp tục có xu hướng giảm, tỷ giá và giá vàng tương đối ổn định. So với tháng trước lãi suất huy động bằng VNĐ của các ngân hàng thương mại giảm khoảng 0,19-0,62%/năm tùy kỳ hạn, đồng thời lãi suất cho vay ngắn hạn bằng VNĐ giảm 0,06-0,35%/năm và giảm 0,01 - 0,32%/năm đối với cho vay trung dài hạn.

Tổng vốn huy động của các tổ chức tín dụng trên địa bàn Thành phố ước tính đến 31/7/2023 đạt 3.311 nghìn tỷ đồng, tăng 0,5% so với tháng trước và tăng 2,4% so với cùng kỳ. Trong đó:

- Vốn huy động bằng VNĐ ước đạt 3.047 nghìn tỷ đồng, chiếm 92,0% tổng vốn huy động, tăng 0,5% so với tháng trước và tăng 4,1% so với cùng kỳ.
- Vốn huy động bằng ngoại tệ ước đạt 264 nghìn tỷ đồng, chiếm 8,0% tổng vốn huy động, tăng 0,8% so với tháng trước và giảm 13,9% so với cùng kỳ.

Tổng vốn huy động và dư nợ tín dụng phân theo loại tiền tệ
(ước tính đến 31/7/2023)



Tổng dư nợ tín dụng của các tổ chức tín dụng trên địa bàn Thành phố ước tính đến 31/7/2023 đạt 3.340 nghìn tỷ đồng, tăng 0,7% so với tháng trước và tăng 6,6% so với cùng kỳ. Trong đó:

Tổng dư nợ tín dụng phân theo loại tiền tệ, cụ thể:

- Dư nợ tín dụng bằng VND ước đạt 3.157 nghìn tỷ đồng, chiếm 94,5% tổng dư nợ toàn hệ thống, tăng 0,7% so với tháng trước và tăng 7,8% so với cùng kỳ.
- Dư nợ tín dụng bằng ngoại tệ ước đạt 183 nghìn tỷ đồng, chiếm 5,5%, tăng 0,7% so với tháng trước và giảm 10,8% so với cùng kỳ.

Tổng dư nợ tín dụng phân theo kỳ hạn tín dụng, cụ thể:

- Dư nợ ngắn hạn ước đạt 1.573 nghìn tỷ đồng, chiếm 47,1% tổng dư nợ tín dụng, tăng 0,8% so với tháng trước và tăng 12,0% so với cùng kỳ.
- Dư nợ trung hạn, dài hạn ước đạt 1.767 nghìn tỷ đồng, chiếm 52,9% tổng dư nợ, tăng 0,6% so với tháng trước và tăng 2,2% so với cùng kỳ.

5.3. Thị trường chứng khoán

Thị trường chứng khoán trong tháng 6/2023 diễn biến tích cực, số lượng tài khoản mở mới của nhà đầu tư cá nhân trong nước đã tăng 39,3% so với tháng trước, góp phần làm tăng 36,6% về khối lượng giao dịch và tăng 52,4% về giá trị so với tháng trước. Nhìn chung VN-Index trong tháng 6 năm 2023 có xu hướng tăng và kết thúc phiên giao dịch cuối cùng của tháng khi VN-Index đạt 1.120,18 điểm, tăng 3,9% so với phiên đầu tháng.

Kết thúc phiên giao dịch ngày 30/6/2023, đã có 484 mã chứng khoán giao dịch theo phương thức khớp lệnh được thực hiện trên sàn giao dịch Thành phố Hồ Chí Minh (Hose), trong đó có 332 mã cổ phiếu, 12 mã chứng chỉ quỹ, 139 mã chứng quyền và 01 mã trái phiếu. Số lượng mã chứng khoán giao dịch khớp lệnh tăng 05 mã cổ phiếu, 33 mã chứng quyền và giảm 02 mã chứng chỉ quỹ so với tháng trước. Trong tháng 6/2023, có 14 mã chứng quyền và 01 mã cổ phiếu hủy niêm yết trên sàn Hose.

Trong tháng 6 năm 2023 có 20 phiên giao dịch được thực hiện có tổng khối lượng 19.854,3 triệu chứng khoán với giá trị 374.476,1 tỷ đồng. Tổng giao dịch đã tăng 36,6% về khối lượng và tăng 52,4% về giá trị so với tháng trước. Trong đó, giao dịch khớp lệnh chiếm 91,7% về khối lượng và chiếm 89,2% về giá trị. Trung bình mỗi phiên có 992,7 triệu chứng khoán với 18.723,8 tỷ đồng được giao dịch.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2023, tổng khối lượng giao dịch đạt 81.438,6 triệu chứng khoán với 1.430.094,5 tỷ đồng, giảm 6,6% về khối lượng và giảm 48,3% về giá trị so với cùng kỳ. Trong đó, giao dịch khớp lệnh chiếm 89,7% về khối lượng và chiếm 86,8% về giá trị. Trung bình mỗi phiên có 684,4 triệu

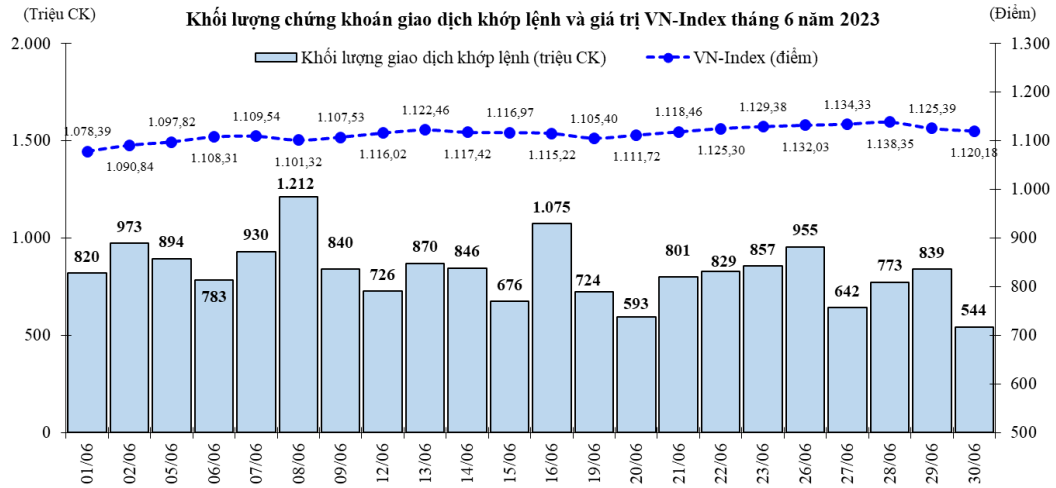
chứng khoán với 12.017,6 tỷ đồng được giao dịch, giảm 5,8% về khối lượng và giảm 47,8% về giá trị so với cùng kỳ.

Kết quả giao dịch chứng khoán tháng 6 và 6 tháng đầu năm 2023 như sau:

Quy mô giao dịch chứng khoán trên Sàn HOSE

	Kết quả giao dịch		% so sánh	
	Tháng 6/2023	Lũy kế 6 tháng 2023	Tháng 6/2023 so với tháng 5/2023	So với cùng kỳ
A. Tổng khối lượng giao dịch (Triệu CK)	19.854,3	81.438,6	136,6	93,4
<i>1. Chia theo loại chứng khoán:</i>				
- Cổ phiếu	16.012,6	65.910,7	133,9	91,2
- Trái phiếu	11,8	22,6	380,6	39,9
- Chứng chỉ quỹ & ETF	125,2	631,3	165,6	79,1
- Chứng quyền	3.704,7	14.874,0	148,5	105,3
<i>2. Chia theo hình thức giao dịch:</i>				
- Giao dịch khớp lệnh	18.200,9	73.084,3	138,6	89,2
- Giao dịch thoả thuận	1.653,4	8.354,3	117,7	158,7
B. Tổng giá trị giao dịch (Tỷ đồng)	374.476,1	1.430.094,5	152,4	51,7
<i>1. Chia theo loại chứng khoán:</i>				
- Cổ phiếu	294.434,5	1.136.986,2	148,3	50,2
- Trái phiếu	58,0	99,2	460,3	16,4
- Chứng chỉ quỹ & ETF	2.463,7	11.923,1	177,3	58,5
- Chứng quyền	77.519,9	281.086,0	169,5	58,8
<i>2. Chia theo hình thức giao dịch:</i>				
- Giao dịch khớp lệnh	334.198,8	1.241.944,3	156,6	51,9
- Giao dịch thoả thuận	40.277,3	188.150,2	125,0	50,5

Chỉ số VN-Index tháng 6 năm 2023, với 20 phiên giao dịch được thực hiện thì VN-Index thì có đến 15 phiên tăng điểm và 05 phiên giảm điểm. Mở đầu phiên giao dịch tháng 6 năm 2023, VN-Index đạt 1.078,39 điểm, tăng 0,3% (tương ứng tăng 3,22 điểm) so với phiên giao dịch trước và tăng 7,1% (tương ứng tăng 71,30 điểm) so với 30/12/2022. Nhìn chung thị trường chứng khoán trong tháng 6 năm 2023 có diễn biến sôi động với xu hướng tăng và kết thúc phiên giao dịch cuối cùng của tháng khi VN-Index đạt 1.120,18 điểm, tăng 3,9% (tương ứng tăng 41,79 điểm) so đầu tháng và tăng 11,2% (tương ứng tăng 113,09 điểm) so với 30/12/2022; giá trị vốn hóa thị trường đạt 4.466.895 tỷ đồng, gấp 3,01 lần quy mô GRDP của Thành phố năm 2022.



Cập nhật phiên giao dịch ngày 17/7/2023 có 497 mã chứng khoán giao dịch khớp lệnh được thực hiện trên sàn Hose gồm: 332 mã cổ phiếu, 12 mã chứng chỉ, 152 mã chứng quyền và 01 mã trái phiếu. Chỉ số VN-Index xác lập giá trị cao nhất trong năm 2023 khi đạt 1.173,13 điểm, tăng 16,5% (tương ứng tăng 166,04 điểm) so với 30/12/2022 và vốn hóa thị trường đạt 4.675.472 tỷ đồng.

6. THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ VÀ VẬN TẢI

6.1. Thương mại, dịch vụ

Hoạt động thương mại, dịch vụ trong tháng 7 tiếp tục diễn ra khá nhộn nhịp với hàng loạt chương trình khuyến mãi “Mùa mua sắm – Shopping Season” kéo dài suốt ba tháng nhằm góp phần tăng tổng cầu, kích thích sức mua của người dân.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 7 năm 2023 dự ước đạt 103.857 tỷ đồng, tăng 4,3% so với tháng trước và tăng 11,7% so với cùng kỳ. **Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng 7 tháng đầu năm 2023** ước đạt 660.011 tỷ đồng, tăng 6,9% so với cùng kỳ.

Diễn biến doanh thu các nhóm ngành hàng như sau:

- **Doanh thu bán lẻ hàng hóa tháng 7 năm 2023** ước đạt 59.956 tỷ đồng, chiếm 57,7% trong tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ, tăng 5,5% so với tháng trước và tăng 12,7% so với cùng kỳ.

So với tháng 7 năm 2022, các nhóm hàng tăng khá trên 10% là: Lương thực, thực phẩm tăng 20,6%; đồ dùng, dụng cụ trang thiết bị gia đình tăng 11,9%; vật phẩm văn hoá, giáo dục tăng 26,7%; ô tô tăng 41,0%; xăng, dầu tăng 19,7%; đá quý, kim loại tăng 37,7%; sửa chữa xe có động cơ tăng 77,4%.

Ước tính 7 tháng năm 2023, doanh thu bán lẻ hàng hóa đạt 391.472 tỷ đồng, tăng 8,7% so với cùng kỳ.

**Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng
tháng 7 và 7 tháng năm 2023**

	<i>Đơn vị tính: Tỷ đồng</i>				
	Ước tính tháng 7 năm 2023	7 tháng năm 2023	Tháng 7 năm 2023 so với tháng trước (%)	Tháng 7 năm 2023 so với cùng kỳ (%)	7 tháng năm 2023 so với cùng kỳ (%)
Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	103.857	660.011	104,3	111,7	106,9
Doanh thu bán lẻ hàng hoá	59.956	391.472	105,5	112,7	108,7
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	9.951	60.682	105,0	142,1	136,3
Dịch vụ lữ hành	1.271	6.063	116,2	206,1	182,6
Dịch vụ khác	32.679	201.795	101,5	101,5	96,4

- **Doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống tháng 7 năm 2023** ước đạt 9.951 tỷ đồng, chiếm 9,6% trong tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ, tăng 5,0% so với tháng trước và tăng 42,1% so với cùng kỳ. Trong đó, doanh thu hoạt động lưu trú tăng 3,6% so với tháng trước và tăng 38,1% so với cùng kỳ; doanh thu hoạt động ăn uống tăng 5,2% so với tháng trước và tăng 42,5% so với cùng kỳ.

Ước tính 7 tháng năm 2023, doanh thu lưu trú và ăn uống đạt 60.682 tỷ đồng, tăng 36,3% so với cùng kỳ. Trong đó, doanh thu lưu trú tăng 42,1%, doanh thu ăn uống tăng 35,7%. Hoạt động lưu trú và ăn uống có mức tăng khá do Thành phố tổ chức nhiều chương trình khuyến mãi, giảm giá kết hợp với các phẩm du lịch đặc trưng ở từng quận, huyện để thu hút du khách.

- **Doanh thu dịch vụ lữ hành tháng 7 năm 2023** ước đạt 1.271 tỷ đồng, tăng 16,2% so với tháng trước và tăng 106,1% so với cùng kỳ.

Ước tính 7 tháng năm 2023, doanh thu lữ hành đạt 6.063 tỷ đồng, tăng 82,6% so với cùng kỳ. Hoạt động của các đơn vị lữ hành tiếp tục có mức tăng trưởng tốt từ tháng 6 do nhu cầu du lịch trong dịp hè của người dân tăng.

- **Doanh thu dịch vụ tiêu dùng khác ước tháng 7 năm 2023** đạt 32.679 tỷ đồng, tăng 1,5% so với tháng trước và so với cùng kỳ.

Ước tính 7 tháng năm 2023, doanh thu dịch vụ tiêu dùng khác đạt 201.795 tỷ đồng, giảm 3,6% so với cùng kỳ. Trong đó, doanh thu hoạt động kinh doanh bất động sản chiếm 61,6% trong nhóm doanh thu dịch vụ tiêu dùng khác, giảm 6,9%; doanh thu dịch vụ hành chính chiếm 14,8%, tăng 1,5%.

6.2. Vận tải hàng hóa và hành khách

6.2.1. Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải

Tổng doanh thu vận tải hàng hóa, hành khách, bốc xếp và dịch vụ đại lý vận tải tháng 7 ước đạt 26.795 tỷ đồng, tăng 1,4% so với tháng trước và tăng 17,8% so với cùng kỳ. Luỹ kế 7 tháng năm 2023 ước đạt 169.448 tỷ đồng, tăng 10,7% so với cùng kỳ.

Doanh thu vận chuyển hàng hóa và hành khách 7 tháng năm 2023

	Doanh thu 7 tháng (tỷ đồng)		So với cùng kỳ (%)	
	Hàng hóa	Hành khách	Hàng hóa	Hành khách
Tổng số	50.676	14.552	124,0	137,8
<i>Phân theo ngành vận tải</i>				
Trong đó: Đường bộ	31.455	9.303	117,2	117,2
Đường sắt	196	670	80,8	120,4
Đường thủy nội địa	5.760	2.037	149,5	442,0
Đường biển	13.248	90	133,4	-
Đường hàng không	17	2.452	84,2	152,9

Vận tải hàng hóa: Doanh thu 7 tháng năm 2023 ước đạt 50.676 tỷ đồng, tăng 24,0% so với cùng kỳ. Trong đó: Vận tải đường bộ chiếm 62,1%, tăng 17,2%; vận tải đường thủy nội địa chiếm 11,4%, tăng 49,5%; vận tải đường biển chiếm 26,1%, tăng 33,4% so với cùng kỳ.

Vận tải hành khách: Doanh thu 7 tháng năm 2023 ước đạt 14.552 tỷ đồng, tăng 37,8% so với cùng kỳ. Trong đó: Vận tải đường bộ chiếm 63,9%, tăng 17,2% so với cùng kỳ; đường sắt chiếm 4,6%, tăng 20,4%; đường thủy nội địa chiếm 14,0%, tăng 342,0%; đường hàng không chiếm 16,8%, tăng 52,9%.

* *Riêng hoạt động kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải, bưu chính và chuyển phát:* Doanh thu 7 tháng ước đạt 104.220 tỷ đồng, tăng 2,6% so với cùng kỳ. Trong đó, hoạt động kho bãi – dịch vụ hỗ trợ vận tải đạt 99.803 tỷ đồng, tăng 1,4%; Bưu chính và chuyển phát đạt 4.417 tỷ đồng, tăng 38,7%.

6.2.2. Sản lượng vận tải hàng hóa và hành khách

Vận tải hàng hóa: Tháng 7 ước đạt 22.992 nghìn tấn, giảm 3,6% so với tháng trước và tăng 4,6% so với cùng kỳ.

Lũy kế 7 tháng năm 2023, sản lượng vận tải ước đạt 140.677 nghìn tấn, tăng 6,3% so với cùng kỳ. Trong đó: Vận tải đường bộ chiếm 58,9%, giảm 8,1%; vận tải đường thủy nội địa chiếm 25,7%, tăng 50,2%; vận tải đường biển chiếm 15,1%, tăng 20,9% so với cùng kỳ.

Vận tải hành khách: Tháng 7 ước đạt 100.564 nghìn lượt hành khách, tăng 1,4% so với tháng trước, tăng 37,4% so với cùng kỳ.

Lũy kế 7 tháng năm 2023 ước đạt 437.902 nghìn lượt hành khách, tăng 23,2% so với cùng kỳ. Trong đó: Vận tải đường bộ chiếm 89,8%, tăng 16,7%;

vận tải đường thủy nội địa chiếm 9,4%, tăng 155,2% và vận tải hàng không chiếm 0,5%, tăng 45,9% so với cùng kỳ.

7. CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG

So với tháng trước, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 7 tăng **0,15%**, trong đó có 3/11 nhóm hàng hóa giảm là dịch vụ bưu chính viễn thông (-0,28%), nhà ở và vật liệu xây dựng (-0,18%), giáo dục (-0,01%); nhóm thuốc và dịch vụ y tế không biến động; có 7/11 các nhóm còn lại tăng so với tháng trước, tăng cao nhất là nhóm hàng hóa và dịch vụ khác (+1,01%).

Diễn biến chỉ số giá một số nhóm ngành hàng tháng 7 so với tháng trước:

Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống: Tăng 0,32%, trong đó nhóm lương thực giảm 0,02%, chủ yếu do giá ngô, gạo giảm; nhóm thực phẩm tăng 0,17%, trong đó, thịt gia cầm tăng 0,23%, trứng các loại tăng 0,58% do nguồn cung giảm nhẹ, thủy sản tươi sống tăng 0,99% do điều kiện thời tiết ảnh hưởng đến việc đánh bắt thủy hải sản của ngư dân, các loại rau tươi, khô và chế biến tăng 1,39% do thời tiết mưa nhiều và nguồn cung giảm... Do chi phí nguyên liệu đầu vào tăng nên dịch vụ ăn uống ngoài gia đình cũng tăng khá với mức 0,60%.

Nhóm đồ uống và thuốc lá: Tăng 0,17%, trong đó bia các loại tăng 0,45%, thuốc hút tăng 0,19%.

Nhóm may mặc, mũ nón, giày dép: Tăng 0,31%, do nhu cầu tiêu dùng tăng. Trong đó, giá quần áo may sẵn tăng 0,54%, mũ nón tăng 0,48%, dịch vụ may mặc tăng 0,64%, dịch vụ giày dép tăng 1,80%.

Nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt, vật liệu xây dựng: Giảm 0,18%, chủ yếu do giá gas giảm 5,23%, theo đó giá gas điều chỉnh giảm từ 18.000-30.000 đồng/bình 12kg, nước sinh hoạt giảm 0,42% do thời tiết mưa nhiều nên nhu cầu sử dụng giảm. Ngược lại, một số mặt hàng tăng giá so với tháng trước như: Dầu hỏa tăng 3,44%, điện sinh hoạt tăng 0,14%, vật liệu bảo dưỡng nhà tăng 0,28%, nhà ở thuê tăng 0,02%.

Nhóm giao thông: Tăng 0,30%, chủ yếu do phụ tùng giao thông tăng 0,06%, giá dầu diesel tăng 3,91%, dịch vụ giao thông công cộng tăng 9,11% và dịch vụ khác đối với phương tiện vận tải cá nhân tăng 0,04%.

Trong tháng 7/2023 có 3 lần điều chỉnh giá bán xăng, dầu (ngày 03/7/2023, ngày 11/7/2023 và ngày 21/7/2023) làm cho nhóm nhiên liệu giảm 0,08% so với tháng trước, trong đó xăng giảm 0,10%. So với cùng kỳ năm 2022, bình quân 7 tháng năm 2023 giá xăng, dầu giảm 19,51%, tác động làm CPI chung giảm 0,67 điểm phần trăm.

Nhóm bưu chính viễn thông: Giảm 0,28% so với tháng trước chủ yếu do các chương trình khuyến mãi, giảm giá bán các mặt hàng điện thoại và phụ kiện.

Nhóm hàng hóa, dịch vụ khác: Tăng 1,01%, chủ yếu do bảo hiểm y tế cho công chức tính theo lương cơ sở mới tăng từ ngày 01/7/2023 (*lương cơ sở tăng từ 1.490.000 đồng lên 1.800 đồng*).

So với tháng 7 năm 2022, chỉ số giá tiêu dùng tăng 2,10%, trong đó nhóm giao thông giảm 8,97% và nhóm dịch vụ bưu chính, viễn thông giảm 2,99%; 9 nhóm còn lại đều tăng giá, nhóm giáo dục tăng cao nhất với mức tăng là 15,12%.

Bình quân 7 tháng năm 2023, chỉ số giá tiêu dùng tăng 3,50% so với cùng kỳ (bình quân 7 tháng đầu năm 2022 tăng 2,12%), chỉ trừ nhóm giao thông giảm 5,34% và bưu chính viễn thông giảm 0,75%; 9 nhóm còn lại đều tăng, trong đó các nhóm tăng cao gồm nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 4,18%, đồ uống và thuốc lá tăng 4,48%, nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 4,64%, văn hóa giải trí tăng 4,60% và giáo dục tăng 15,26%.

Chỉ số giá tiêu dùng, giá vàng và tỷ giá USD

	Đơn vị tính: %			
	Tháng 7 so với cùng kỳ		Chỉ số giá bình quân 7 tháng so với cùng kỳ	
	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023
1. Chỉ số giá tiêu dùng	102,60	102,10	102,12	103,50
Trong đó: Lương thực	104,27	103,25	104,63	104,12
Thực phẩm	98,90	101,62	100,54	103,14
2. Chỉ số giá vàng	118,82	98,63	118,70	100,28
3. Chỉ số giá USD	99,86	102,75	99,82	102,56

Chỉ số giá vàng tháng 7 năm 2023 tăng 0,07% so với tháng trước; giảm 0,06% so tháng 12 năm 2022 và giảm 1,37% so với cùng kỳ; bình quân 7 tháng năm 2023 tăng 0,28% so với cùng kỳ.

Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 7 năm 2023 tăng 0,55% so với tháng trước; giảm 1,84% so với tháng 12 năm 2022 và tăng 2,75% so với cùng kỳ; bình quân 7 tháng năm 2023 tăng 2,56% so với cùng kỳ.

8. MỘT SỐ VẤN ĐỀ XÃ HỘI

8.1. Hoạt động y tế

Tình hình bệnh Sốt xuất huyết: Trong tháng, số ca mắc là 910 ca và không có ca tử vong.

Tình hình bệnh Tay Chân Miệng: Trong tháng, số ca mắc là 5.415 ca và không có ca tử vong.

Tình hình bệnh Covid-19: Trong tháng, số ca mắc là 45 ca, tính từ đầu năm tới 15/7/2023 là 5.133 ca, giảm 95,3% so với cùng kỳ. Thành phố đã tổ chức tập huấn và giám sát sự tuân thủ hướng dẫn chẩn đoán và điều trị Covid-19 cho các nhân viên ngành y theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

Công tác khám chữa bệnh và điều trị

Công tác khám chữa bệnh cho người dân Thành phố tiếp tục được quan tâm, chú trọng. Trong tháng Thành phố đã tổ chức lớp đào tạo “Cấp cứu ban đầu ngoài bệnh viện - Xử trí bệnh cấp cứu và chấn thương năm 2023”; tiếp tục triển khai hồ sơ bệnh án điện tử và tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý sức khỏe cho nhân dân; công tác phòng chống dịch bệnh và tăng thêm các tiện ích cho người bệnh tại các bệnh viện, ưu tiên tạo lập hồ sơ sức khỏe cho người thuộc nhóm nguy cơ.

8.2. Hoạt động giáo dục

Công tác tuyển sinh đầu cấp năm học 2023-2024 được triển khai đồng bộ và theo kế hoạch từng cấp.

Thành phố có gần 114.000 học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở; có khoảng 96.300 học sinh đăng ký dự thi lớp 10 công lập, trong số này, có hơn 88.000 thí sinh thi lớp 10 thường, khoảng 6.900 thí sinh dự thi chuyên, 1.100 thí sinh dự thi lớp 10 tích hợp. Các trường trung học phổ thông công lập tuyển khoảng 77.000 thí sinh. Ngày 07/7/2023, Sở Giáo dục và đào tạo thành phố đã công bố điểm chuẩn vào lớp 10 năm học 2023-2024. Từ ngày 10 đến 25/7, thí sinh trúng tuyển trung học phổ thông nộp hồ sơ nhập học tại trường theo nguyện vọng.

Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2023 được tổ chức cơ bản giữ ổn định như năm trước. Hội đồng thi tổ chức coi thi trong các ngày 27, 28 và 29/6; chấm thi từ ngày 01/7; công bố kết quả thi ngày 18/7; hoàn thành xét công nhận tốt nghiệp THPT chậm nhất ngày 20/7. Thành phố có 85.425 thí sinh dự thi; 156 điểm thi, quy mô tương đương kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 vừa qua.

8.3. Hoạt động văn hoá, thể thao

Về văn hóa, nghệ thuật

Trong tháng 7, Thành phố tổ chức các chương trình văn hóa, nghệ thuật đặc sắc phục vụ nhiệm vụ chính trị như: Chương trình nghệ thuật đặc biệt kỷ niệm 325 năm hình thành Sài Gòn – Chợ Lớn – Gia Định – TPHCM (1698 – 2023) với chủ đề “Thành phố tỏa sáng” tại Công viên 23/9.

Ngày 30/6/2023 Ủy ban Nhân dân Thành phố đã tổ chức lễ công bố và trao quyết định công nhận sản phẩm OCOP trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm 2022 cho 11 chủ đề với 39 sản phẩm (gồm 15 sản phẩm 4 sao; 24 sản phẩm 3 sao). Trọng tâm của chương trình OCOP là phát triển sản phẩm nông nghiệp, phi nông nghiệp, dịch vụ có lợi thế ở mỗi địa phương theo chuỗi giá trị, do các thành phần kinh tế tư nhân và kinh tế tập thể thực hiện.

Về hoạt động thể thao

Thành phố tổ chức lễ bế giảng “Khóa Hướng dẫn viên thể thao Người Khuyết tật Thành phố năm 2023”. Khóa học nhằm mục đích nâng cao trình độ chuyên môn cho các Hướng dẫn viên thể thao người khuyết tật tại cơ sở, đồng thời tạo cơ hội cho các vận động viên thể thao người khuyết tật trưởng thành được tiếp nhận công tác giảng dạy, huấn luyện thể thao cho cộng đồng người khuyết tật. Từ đó, khuyến khích sự phát triển mạnh mẽ của mạng lưới các điểm tập luyện và câu lạc bộ Thể dục Thể thao dành cho người khuyết tật.

Thành phố tổ chức chương trình thể dục Aerobic cho trẻ tự kỷ và khuyết tật trí tuệ kéo dài 3 tháng cho 30 trẻ. Mục tiêu của chương trình là giúp trẻ tự kỷ tăng cường thể lực, kỹ năng vận động, tương tác xã hội và giao tiếp.

8.4. Tình hình trật tự an toàn xã hội (từ 16/6/2023 đến 15/7/2023)

Tình hình trật tự an toàn giao thông:

Trong tháng, xảy ra 112 vụ tai nạn giao thông đường bộ, giảm 23,8% so với cùng kỳ; làm chết 41 người, giảm 8,9%; bị thương 70 người, giảm 20,5%. Xảy ra 01 vụ tai nạn đường thủy, không có người chết và bị thương. Không xảy ra tai nạn giao thông đường sắt.

Về tình hình cháy nổ:

Trong tháng, xảy ra 28 vụ cháy, làm 02 người chết và 02 người bị thương; trị giá tài sản thiệt hại khoảng 0,2 tỷ đồng (còn 06 vụ chưa thống kê được thiệt hại). Nguyên nhân gây cháy chủ yếu do sự cố hệ thống, thiết bị điện.

Trong tháng trên địa bàn Thành phố không xảy ra vụ nổ.

Vi phạm kinh tế:

Trong tháng, đã phát hiện và xử lý 131 vụ vi phạm kinh tế, tham nhũng và buôn lậu; thu giữ hàng hóa vi phạm trị giá ước tính 4,4 tỷ đồng; khởi tố 115 vụ, 45 bị can, xử phạt vi phạm hành chính 86 vụ, tổng số tiền phạt trên 1,7 tỷ đồng. Các hành vi vi phạm chủ yếu là sản xuất, kinh doanh hàng giả, hàng kém chất lượng, trong đó phát hiện, xử lý nghiêm các trường hợp liên quan các mặt hàng thiết yếu, y tế, gây bất ổn thị trường.

Tình hình hoạt động phòng, chống tội phạm ma túy:

Trong tháng, đã phát hiện, xử lý 195 vụ, 419 đối tượng tàng trữ, vận chuyển, mua bán và tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; khởi tố 160 vụ, 261 bị can, xử lý hành chính 25 vụ, 145 đối tượng; thu giữ 1,07 kg Heroin; 1,59kg Cần sa; 15,81 kg ma túy tổng hợp; 387,61 gram dung dịch có chứa ma túy cùng một số công cụ phương tiện khác có liên quan.

Công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm hình sự và các tệ nạn xã hội:

Trong tháng, ghi nhận 491 vụ, tăng 26,9% so với cùng kỳ; làm chết 06 người, bị thương 19 người, tài sản thiệt hại khoảng 43,7 tỷ đồng. Đã khám phá nhanh 286/491 vụ (đạt 58,3%) và bắt 470 đối tượng.

8.5. Tình hình giải quyết việc làm

Trong tháng, các thành phần kinh tế đã giải quyết việc làm cho 26.669 lượt người, nâng tổng số giải quyết việc làm qua 7 tháng là 189.791/300.000 lượt người, đạt 63,3% kế hoạch năm.

Về tạo việc làm mới: Trong tháng có 11.963 chỗ việc làm mới được tạo ra, nâng tổng số việc làm mới 7 tháng là 84.898/140.000, đạt 60,6% kế hoạch năm.

Tổng số lao động được đưa đi làm việc ở nước ngoài trong tháng là 134 người. Tính từ đầu năm đến nay là 837 người, chủ yếu ở Hàn Quốc, Nhật Bản, tập trung ở ngành nghề chính như: Chế biến thực phẩm, đóng gói, điều dưỡng.

8.6. Về giải quyết chế độ bảo hiểm thất nghiệp

Trong tháng, đã tiếp nhận 17.729 trường hợp nộp hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp, ban hành quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp cho 18.469 người lao động. Tính từ đầu năm đến nay, Thành phố đã tiếp nhận 82.589 trường hợp nộp hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp, ban hành quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp cho 77.468 người lao động đủ điều kiện.

Trên đây là tình hình kinh tế - xã hội thành phố Hồ Chí Minh tháng 7 và 7 tháng năm 2023.

CỤC TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Vụ TK Tổng hợp;
- Vụ Hệ thống TKQG;
- Thành uỷ, HĐND, UBND TP;
- Lãnh đạo Cục TK;
- Đơn vị thuộc Cục TK;
- Cục TK một số tỉnh, TP;
- Một số Sở, ngành TP;
- Lưu: TH, TCHC.

Nguyễn Khắc Hoàng